

Bản án số: 06/2019/HS-ST  
Ngày 25 - 01 - 2019

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Nhật Đậu

2. Bà Trần Thị Mai Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Hà - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị L - sinh ngày 29 tháng 11 năm 1979 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T (đã chết) và bà Trần Thị T - sinh năm 1936; bị cáo có chồng là Trần Duy C - sinh năm 1975 và 3 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: không; không bị bắt tạm giữ, không bị tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

2. *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L:* Bà Bùi Thị Thanh N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

3. *Bị hại:* Công ty tài chính TNHH Một thành viên H Việt Nam.

Trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số 20, Nguyễn Đăng G, phường Thảo Đ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dmitry M - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T - Chức vụ: Chuyên viên an ninh Công ty. (Theo văn bản ủy quyền số 93/2018/GUQ-SE ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Tổng giám đốc Công ty) (Có mặt).

*4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Chị Ngô Thị N - sinh năm 1992

Trú tại: Khu 10, xã Hà L, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

-Chị Trần Thị S - sinh năm 1986

Trú tại: Khu 5, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2017, Lê Thị L mượn giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Trần Thị S để làm hồ sơ xin việc tại khu công nghiệp Phú Hà, thị xã P. Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cần tiền trả nợ, L đến Cửa hàng Thế giới di động thuộc khu 15, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ hỏi thủ tục mua điện thoại trả góp sau đó bán lấy tiền nhưng hiện L đang vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng chính sách thị xã P chưa trả được nên L không đủ điều kiện làm hồ sơ mua trả góp điện thoại. Do vậy, L nảy sinh ý định lấy giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của S và nhờ Ngô Thị N đi làm thủ tục hợp đồng mua điện thoại trả góp. Ngày 12/6/2017, L điều khiển xe máy của mình đến nhờ N đi làm thủ tục hợp đồng mua điện thoại trả góp; lúc đầu N không đồng ý nhưng do L nói giấy tờ làm thủ tục hợp đồng mua điện thoại trả góp là của chị S, chị S đồng ý cho L mượn; L và chị S đã làm xong mọi thủ tục, do chị S bận nên chỉ nhờ N đi ký nhận và L cam kết sẽ trả nợ đầy đủ. Thương hoàn cảnh của L khó khăn và tin tưởng L nên N đồng ý. L điều khiển xe máy chở N tới Cửa hàng Thế giới di động thuộc khu 15, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, đến nơi N vào trong cửa hàng trước còn L gửi xe ở phía ngoài. L có hỏi một người đàn ông trung niên khoảng 35 đến 37 tuổi, L không biết tên, địa chỉ về thủ tục mua điện thoại trả góp sau đó bán lấy tiền; người đàn ông trung niên này cho L số điện thoại của người muốn mua điện thoại; L gọi vào số điện thoại này thì thấy giọng của một nam thanh niên, L đặt vấn đề bán điện thoại mua trả góp, nam thanh niên đồng ý và hẹn khi nào mua xong thì liên lạc lại. L đi vào bên trong cửa hàng Thế giới di động cùng N gặp nhân viên bán hàng đặt vấn đề mua điện thoại di động trả góp. Sau khi nghe nhân viên bán hàng tư vấn L quyết định mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8 với giá 20.490.000 đồng; trả trước 30% giá trị điện thoại là 6.147.000 đồng; Số tiền còn lại L phải thanh toán trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 12/6/2017; mỗi tháng thanh toán số tiền 2.474.000 đồng vào ngày 12 hàng tháng. Khi đến quầy giao dịch để làm thủ tục L dặn N ký tên trong hồ sơ là S để trùng khớp với giấy tờ; còn L đưa cho nhân viên tài chính của Công ty H Việt Nam giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của S; khi nhân viên tài chính yêu cầu

khách hàng cung cấp 02 số điện thoại của người thân, L viết ra giấy 02 số điện thoại gồm số 0989722880 là số của L nhưng L ghi đó là số điện thoại của mẹ chị S và số 01634754355 là số điện thoại của con gái L nhưng L ghi đó là số điện thoại của em gái chị S rồi đưa cho N để N cung cấp cho nhân viên tài chính Công ty. Nhân viên tài chính Công ty chụp lại hình ảnh khách hàng là N để lưu hồ sơ mua trả góp đồng thời yêu cầu khách hàng phải thanh toán trước 30% giá trị chiếc điện thoại là 6.147.000 đồng, do không có tiền nên L đã ra ngoài gọi điện cho người muốn mua điện thoại lúc trước mang tiền tới đặt cọc. Trong khi N ký các giấy tờ thì L ra ngoài thông nhất bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy S8 cho nam thanh niên với giá 10.000.000 đồng với điều kiện nam thanh niên phải thanh toán số tiền trả trước 6.147.000 đồng cho Công ty. Sau khi nam thanh niên nộp đủ tiền đặt cọc cho Công ty thì các thủ tục hợp đồng được hoàn thiện, nhân viên Công ty để chiếc điện thoại và giấy tờ kèm theo trên mặt bàn, L cầm chiếc điện thoại đưa cho nam thanh niên như đã thỏa thuận rồi cầm giấy tờ và tiền chờ N về nhà. Đến ngày 12/12/2017 không thấy L thanh toán được bất kỳ khoản tiền nào nên Công ty H Việt Nam cử đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T, chuyên viên an ninh Công ty đi đến nhà chị S yêu cầu trả tiền đã phát hiện có hành vi lừa đảo nên đã đến Công an thị xã P để trình báo và đề nghị làm rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Phục vụ công tác điều tra ngày 23/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiến hành khám xét nơi ở của Lê Thị L tại khu 10, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét không thu giữ gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị L khai nhận: Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi tiêu, bị cáo đã dùng chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị S và nhờ Ngô Thị N đến Cửa hàng Thế giới di động thuộc khu 15, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ làm thủ tục mua điện thoại trả góp sau đó bán lấy tiền chi tiêu. Bị cáo nói với N là chị S đồng ý cho bị cáo mượn chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để đi mua trả góp điện thoại và do chị S bận việc nên nhờ N làm thủ tục hộ. Sau đó, bị cáo cùng N đến cửa hàng điện thoại và N làm thủ tục mua trả góp điện thoại. Bị cáo bảo N ký chữ S vào hợp đồng mua điện thoại và bị cáo đưa cho N 02 số điện thoại của bị cáo và của con bị cáo nói là điện thoại của mẹ và em gái của S. Bị cáo mua điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8 với giá 20.490.000 đồng; trả trước 30% giá trị điện thoại là 6.147.000 đồng. Sau khi lấy được điện thoại bị cáo đã bán được 10.000.000 đồng vào trả góp 6.147.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo cầm và chi tiêu cá nhân hết không cho N. Nay Công ty H Việt Nam yêu cầu bị cáo và chị N bồi thường số tiền 14.842.000 đồng. Chị N đã đồng ý bồi thường cho Công ty 4.000.000 đồng. Số còn lại 10.842.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty 1.500.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Số tiền còn lại 9.342.000 đồng do điều kiện kinh tế khó khăn bị cáo xin trả dần số tiền trên. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mắc bệnh hiểm nghèo, con nhỏ và bị cáo đã hiến thận phải nên sức khỏe yếu. Bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Người đại diện cho bị hại Công ty tài chính TNHH một thành viên H Việt Nam, ông Nguyễn Thành T trình bày: Ngày 12/6/2017, bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt điện thoại của Công ty, cụ thể: Bị cáo đã dùng chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị S và nhờ chị N đứng là làm mọi thủ tục để mua trả góp điện thoại của Công ty. Tổng số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của Công ty là 14.842.000 đồng. Trong việc này, chị N cũng có một phần lỗi. Nay Công ty yêu cầu chị N và bị cáo bồi thường tổng số tiền 14.842.000 đồng cho Công ty. Công ty nhất trí để chị N bồi thường 4.000.000 đồng, bị cáo bồi thường 10.842.000 đồng. Công ty đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Ngô Thị N trình bày: Chị thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng. Chị xác định chị cũng có 1 phần lỗi trong việc bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty Home Credit Việt Nam nên chị tự nguyện cùng bị cáo bồi thường cho Công ty. Chị tự nguyện bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty. Do điều kiện kinh tế khó khăn, chị xin trả dần cho Công ty.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L trình bày: Bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì sau khi phạm tội thật thà khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, chồng mắc bệnh hiểm nghèo, bị cáo đã hiến một bên thận phải quy định tại các điểm b, g, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSTXPT ngày 05/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị can Lê Thị L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 174, điểm b, g, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Thị L từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; điều 584, điều 585, điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thị L phải bồi thường cho Công ty H Việt Nam số tiền 9.342.000đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Buộc chị Ngô Thị N phải bồi thường cho Công ty H Việt Nam số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty H Việt Nam số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P theo biên lai thu tiền số 0000771 ngày 25/01/2019.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi mà bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2].Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Ngày 12/6/2017, tại Cửa hàng Thế giới di động thuộc khu 15, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; bị cáo Lê Thị L đã dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 14.842.000 đồng của Công ty H Việt Nam. Số tiền chiếm đoạt L chi tiêu cá nhân hết. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Lê Thị L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, Ngô Thị N là người đã ký nhận tên Trần thị S trong hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp để bị cáo mua được chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S8 sau đó bị cáo bán chiếc điện thoại và không thanh toán tiền cho Công ty H Việt Nam. Kết quả điều tra xác định bản thân N không được bị cáo bàn bạc từ trước mà tin tưởng bị cáo, tin tưởng chị S đồng ý nên N mới ký hộ các thủ tục giấy tờ mua điện thoại trả góp. Ý thức chủ quan của N không cùng chung ý định chiếm đoạt tài sản với bị cáo, không được hưởng lợi gì từ việc này. Xét thấy Ngô Thị N có vai trò giúp sức để bị cáo đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty H Việt Nam, hành vi của N tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể. Vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không đề cập xử lý hình sự đối với N mà nhắc nhở rút kinh nghiệm là phù hợp.

Đối với Công ty H Việt Nam khi lập hồ sơ cho vay, quy trình còn nhiều sơ sỏ, chưa có biện pháp kiểm tra, xác minh phù hợp, sử dụng nhân viên trình độ còn hạn chế nên không phát hiện các hành vi giả mạo giấy tờ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần được khắc phục để phòng ngừa tội phạm.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”*

[3].*Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần phải được xử lý nghiêm. Bị cáo Lê Thị L là người có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện mà lại có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để có tiền chi tiêu cá nhân. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra, Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Lỗi phạm tội này, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện bồi thường, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, chồng mắc bệnh hiểm nghèo, bị cáo đã hiến một bên thận phải quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do đó, đối với bị cáo hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là chưa cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Đối với bị cáo chỉ cần áp dụng mức hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo sửa chữa được lỗi mà bị cáo đã phạm.

Tại khoản 3 điều 36 của Bộ luật hình sự quy định: *“Trong thời gian chấp hành án..., người bị cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước...”*. Song xét thấy, bị cáo thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4].*Về hình phạt bổ sung:*

Tại khoản 5 điều 174 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, có tài sản là nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng có giá trị không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với điều kiện thực tế của bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị cáo cùng với Ngô Thị N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Công ty H Việt Nam số tiền 14.842.000 đồng. Mặc dù hành vi của Ngô Thị N tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể nên không bị khởi tố và truy tố nhưng phải cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty H Việt Nam. Tại phiên tòa, bị cáo, chị N và Công ty H Việt Nam thỏa thuận để chị N bồi thường cho Công ty 4.000.000 đồng, bị cáo bồi thường cho Công ty 10.842.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường 1.500.000 đồng nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp 9.342.000 đồng. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bị cáo và chị N bồi thường dần cho Công ty. Nhưng do kinh tế gặp khó khăn nên bị cáo và chị N bồi thường dần cho Công ty. Xét yêu cầu bồi thường của Công ty H Việt Nam là có căn cứ, sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Home Credit Việt Nam số tiền 9.342.000 đồng, chị N bồi thường cho Công ty 4.000.000 đồng, đồng thời xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường 1.500.000 đồng cho Công ty.

[6]. *Về án phí:* Bị cáo Lê Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật; chị Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2 điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; phạt Lê Thị L 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lê Thị L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; điều 584, điều 585, điều 587, điều 589 và điều 357 Bộ luật dân sự:

Xác nhận ngày 25/01/2019, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty tài chính TNHH một thành viên H Việt Nam số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P theo Biên lai thu tiền số 0000771.

Buộc bị cáo Lê Thị L phải bồi thường cho Công ty tài chính TNHH một thành viên H Việt Nam số tiền 9.342.000đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Buộc chị Ngô Thị N bồi thường cho Công ty tài chính TNHH một thành viên H Việt Nam số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo, chị N chậm trả số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu các bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 467.000đ (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Buộc chị Ngô Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, chị N có mặt có quyền kháng cáo, chị S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Hà Lộc;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thu Hiền**

